TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/KDTM-ST
Ngày: 04/5/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Nguyễn Thị Xuyến

2/- Ông Hoàng Văn Định

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/TLST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty X

Trụ sở: Đường M, phường N, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Bà T, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền số 34.2023/GUQ-COL ngày 06/01/2023). (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty Y (Vắng mặt)

Trụ sở: Số xx, đường T, phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông G – Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2021, nguyên đơn Công ty X có bà T là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Do Công ty Y có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty X tài trợ tài chính nên vào ngày 09/4/2018, hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C180505502 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng thuê"). Theo đó, tài sản mà Công ty Y có nhu cầu

thuê tài chính bao gồm: 01 (một) máy cưa màn trượt, Model: MJ6132YII; 01 (một) Máy nhám thùng Kingmaster; 01 (một) máy dán cạnh thẳng tự động Compact-GB (Thông tin thực tế hiện trên tài sản: FUVICO, HOLZTEK machinery, Model: 2016.09.30); 01 (một) máy ép nguội MH3248x60T (Thông tin thực tế hiện trên tài sản: MH3248x60, FUVICO); 01 (một) máy cưa bàn trượt 2 lưỡi T-320 (Sau đây gọi tắt là "Tài sản thuê").

Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính, Công ty X đã ký hợp đồng mua bán số C180505502-PC vào ngày 09/5/2018 để mua các tài sản cho thuê tài chính nêu trên từ Công ty Y và cho Công ty Y thuê lại các Tài sản này. Đây là hình thức mua và cho thuê lại theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính.

Tổng giá trị của Tài sản thuê là 1.179.750.000 đồng. Trong đó, Công ty Y trả trước 235.950.000 đồng ("Tiền trả trước"), Công ty X tài trợ vốn là 943.800.000 đồng ("Giá trị thuê").

Hằng tháng, Công ty Y phải thanh toán cho Công ty X tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty X đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty Y trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty X vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê.

Hợp đồng thuê được cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/11/2019. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 36 tháng, kể từ ngày 10/5/2018 đến 10/5/2021.

Lãi suất thuê được áp dụng cho Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty X đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam. Theo đó, lãi suất thuê là lãi suất thả nổi được tính theo lãi suất tiêu chuẩn Việt Nam đồng của Công ty X cộng với biên độ là 2.16%/năm, lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 9.23%/năm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty Y thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty X đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với Công ty Y để yêu cầu thanh toán.

Ngày 28/01/2019, Công ty X có làm việc với Công ty Y, Công ty Y xác nhận số tiền quá hạn của Công ty Y tạm tính đến ngày 28/01/2019 là 105.782.190 đồng và cam kết thực hiện lịch trình thanh toán như sau:

+ Trước ngày 30/01/2019, Công ty Y sẽ thanh toán tiền thuê tháng 11/2018 cho Công ty X ;

+ Trong tháng 02/2019, Công ty Y sẽ thanh toán tiền thuê của tháng 12/2018.

Tuy nhiên, Công ty Y không thực hiện đúng cam kết thanh toán nêu trên. Do đó, ngày 18/02/2019, theo quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê,

Công ty X đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu Công ty Y thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 21/02/2019 là 925.957.353 đồng.

Ngày 29/10/2019, Công ty X có làm việc với Công ty Y, Công ty Y trình bày: Do đang gặp khó khăn, các đơn hàng chưa đủ để trả các khoản nợ cho Công ty X, ngoài ra Công ty còn đang gặp khó khăn về nhân công, có các khoản nợ từ khách hàng chưa thu hồi được. Công ty đang cố gắng vượt qua khó khăn và sẽ thông báo kế hoạch thanh toán cho Công ty X trong năm 2020.

Ngày 27/02/2020, Công ty X một lần nữa làm việc với Công ty Y. Công ty Y xác nhận khoản nợ còn lại với Công ty X tạm tính đến 29/02/2020 là 910.411.647 đồng. Công ty Y hiện đang gặp khó khăn, đề xuất thanh toán dứt khoản nợ cho Công ty X trong tháng 3/2020. Đồng thời Công ty Y cũng đề xuất giảm phần lãi chậm trả là 56.625.083 đồng.

Tuy nhiên, trong suốt thời gian 02 năm kể từ ngày Công ty X khởi kiện đến nay Công ty Y vẫn không hợp tác giải quyết khoản nợ và cũng không hợp tác giao trả tài sản thuê cho Công ty X theo quy định của pháp luật.

Qua tìm hiểu, được biết Công ty Y đã giao tài sản thuê nêu trên cho Công ty Z (gọi tắt là Công ty Z), có mã số doanh nghiệp 0315788313. Vì vậy, ngày 15/9/2022, Bà (T) đã trực tiếp xuống xưởng Công ty Z tại địa chỉ xx, đường Q, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và xác thực được rằng toàn bộ tài sản thuê nêu trên đều đặt tại địa chỉ này (đính kèm hình ảnh tài sản chụp ngày 15/09/2022).

Sau khi trao đổi và làm việc nhiều lần, Công ty Y vẫn tiếp tục không hợp tác giải quyết khoản nợ và cũng không hợp tác giao trả tài sản thuê cho Công ty X, do đó để có căn cứ giải quyết vụ án tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty X đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thuê thuộc Hợp đồng cho thuê tài chính số C180505502 ký ngày 09/5/2018.

Ngày 17/11/2022, Tòa án nhân dân Quận 3 đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 148/2022/QĐ-XXTĐTC đối với hiện trạng các tài sản thuê nêu trên, việc xem xét thẩm định tại chỗ được tiến hành tại nhà xưởng Công ty Z, địa chỉ xx, đường Q, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, khi đoàn xem xét thẩm định tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ theo Quyết định số 148/2022/QĐ-XXTĐTC tại địa chỉ trụ sở Công ty Z, Công ty X nhìn thấy tài sản thuê đều đặt tại đây, nhưng không nhận được sự hợp tác của Công ty Z, họ không mở cửa để đoàn làm việc (họ đề nghị liên hệ với đại diện pháp luật của họ vì họ chỉ là người làm việc tại đây). Đoàn đã liên hệ số điện thoại của người đại diện pháp luật và số điện thoại của bà D là nhân viên Công ty Z nhưng đều không được. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 3 đã lập Biên bản làm việc ngày 13/12/2022 để ghi nhận sự việc như trên.

Tuy nhiên, Công ty Y lại một lần nữa không thực hiện đúng cam kết. Vì vậy, Công ty X yêu cầu Tòa giải quyết những nội dung sau:

"Buộc Công ty Y thanh toán cho Công ty X số tiền mà Công ty Y còn nợ tính đến ngày 06/3/2023 là 1.048.473.561 (*Một tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi mốt*) đồng, trong đó nợ gốc là 623.956.669 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 21/02/2019 là 111.854.895 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 22/02/2019 đến 06/03/2023 là 312.661.997đồng.

Buộc Công ty Y thanh toán cho Công ty X tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 07/3/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty Y thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ nêu trên, buộc Công ty Y giao trả Tài sản thuê thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty X bao gồm: 01 (một) máy cưa màn trượt, Model: MJ6132YII; 01 (một) Máy nhám thùng Kingmaster; 01 (một) máy dán cạnh thẳng tự động Compact-GB (Thông tin thực tế hiện trên tài sản: FUVICO, HOLZTEK machinery, Model: 2016.09.30); 01 (một) máy ép nguội MH3248x60T (Thông tin thực tế hiện trên tài sản: MH3248x60, FUVICO); 01 (một) máy cưa bàn trượt 2 lưỡi T-320 cho Công ty X để thanh lý, thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê nêu trên không đủ thanh toán các khoản nợ thì buộc Công ty Y thanh toán tiếp cho đến khi dứt các khoản nợ trên."

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Công ty X có bà T là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn Công ty Y vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty X là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty X khởi kiện bị đơn Công ty Y phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C180505502 ngày 09/5/2018, nên đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính" được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2.]. Về thẩm quyền: Theo Công văn số 2898/ĐKKD-T6 ngày 10/5/2021 về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh

doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: "Công ty Y có trụ sở chính tại số xx, đường T, phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay Công ty chưa đăng ký giải thể". Do Bị đơn có trụ sở tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[1.3.1]. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 27/4/2023, nguyên đơn Công ty X có bà T là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền xin vắng mặt tại phiên xét xử và xác định: "Vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu nêu tại đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa buộc Công ty Y phải thanh toán làm một lần cho Công ty X số tiền mà Công ty Y còn nợ tính đến ngày 04/5/2023 là 1.062.984.193 (*Một tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm tám mươi tư ngàn, một trăm chín mươi ba*) đồng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó nợ gốc là 623.956.669 đồng, nợ lãi tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 21/02/2019 là 111.854.895 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 22/02/2019 đến 04/05/2023 là 327.172.629 đồng.

Buộc Công ty Y còn phải thanh toán cho Công ty X tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 05/05/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty Y thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ nêu trên, buộc Công ty Ygiao trả Tài sản thuê thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty X bao gồm: 01 (một) máy cưa màn trượt, Model: MJ6132YII; 01 (một) Máy nhám thùng Kingmaster; 01 (một) máy dán cạnh thẳng tự động Compact-GB (Thông tin thực tế hiện trên tài sản: FUVICO, HOLZTEK machinery, Model: 2016.09.30); 01 (một) máy ép nguội MH3248x60T (Thông tin thực tế hiện trên tài sản: MH3248x60, FUVICO); 01 (một) máy cưa bàn trượt 2 lưỡi T-320 cho Công ty X để thanh lý, thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê nêu trên không đủ thanh toán các khoản nợ thì buộc Công ty Y thanh toán tiếp cho đến khi dứt các khoản nợ trên."

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt Nguyên đơn.

[1.3.2]. Bị đơn Công ty Y đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt cũng như không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[1.4]. Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Căn cứ vào lời trình bày của Nguyên đơn về việc các tài sản Bị đơn thuê hiện đang do Công ty Z quản lý và sử dụng (đính kèm hình ảnh) nên Tòa án nhân dân Quận 3 đã ban hành Thông báo (bổ sung) về việc thụ lý vụ án số 166.1/TB-TLVA ngày 13/12/2022 đưa Công ty Z vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhằm tạo thuận lợi cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và thu thập tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên, Công ty Z và bị đơn Công ty Y không hợp tác, sau đó Nguyên đơn cũng đã rút đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với Công ty Z, đồng thời xác định chỉ yêu cầu bị đơn Công ty Y phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền và trả lại tài sản thuê. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 3 xác định Công ty Z không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đến tranh chấp giữa Công ty X và Công ty Y nên quyết định không đưa Công ty Z vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Xét Hợp đồng cho thuê tài chính số C180505502 ngày 09/5/2018 và Phụ lục số 1 ngày 09/5/2018 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118, 119 của Bộ luật Dân sự và Điều 113 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên đây là hợp đồng cho thuê tài chính hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo các nội dung đã thỏa thuận. Theo Hợp đồng mua bán tài sản số C180505502-PC ngày 09/5/2018 giữa Nguyên đơn và Bị đơn thì Nguyên đơn đã thực hiện thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính trên, Bị đơn cũng đã nhận được tài sản thuê và đưa vào sử dụng.

Căn cứ Hợp đồng cho thuê tài chính số C180505502 ngày 09/5/2018, Bị đơn có thuê của Nguyên đơn các tài sản sau: 01 (một) máy cưa màn trượt, Model: MJ6132YII; 01 (một) Máy nhám thùng Kingmaster; 01 (một) máy dán cạnh thẳng tự động Compact-GB (Thông tin thực tế hiện trên tài sản: FUVICO, HOLZTEK machinery, Model: 2016.09.30); 01 (một) máy ép nguội MH3248x60T (Thông tin thực tế hiện trên tài sản: MH3248x60, FUVICO); 01 (một) máy cưa bàn trượt 2 lưỡi T-320 với tổng số tiền 1.179.750.000 (*Một tỷ, một trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi ngàn)* đồng trong đó Bị đơn trả trước 235.950.000 đồng, Nguyên đơn tài trợ vốn 943.800.000 đồng. Đồng thời, Nguyên đơn và Bị đơn có thỏa thuận thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 36 tháng, kể từ ngày 10/5/2018 đến 10/5/2021, với lãi suất thuê là lãi suất thả nổi được tính theo lãi suất tiêu chuẩn Việt Nam đồng của Nguyên đơn cộng với biên độ là 2.16%/năm, lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 9.23%/năm. Tuy nhiên, Bị đơn không thực hiện đúng cam kết thanh toán nêu trên nên ngày 18/02/2019, theo quy định tại Điều 26 của hợp đồng thuê, Nguyên đơn đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê. Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn cũng không có thiện chí thực hiện thỏa thuận Hợp đồng cho thuê tài chính số C180505502 ngày 09/5/2018, mặc dù Nguyên đơn đã cố gắng liên hệ Bị đơn để thương lượng giải quyết.

Tại Bảng kê các khoản phải thu tính đến ngày 04/5/2023 của Bị đơn (do Nguyên đơn lập) thể hiện Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền nợ gốc là 623.956.669 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 21/02/2019 là 111.854.895 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 22/02/2019 đến 04/5/2023 là 327.172.629 đồng. Tổng cộng số tiền Bị đơn còn nợ Nguyên đơn là 1.062.984.193 (*Một tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm tám mươi tư nghìn, một trăm chín mươi ba*) đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận, nghĩ nên buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn làm một lần số tiền mà Bị đơn còn nợ tính đến ngày 04/5/2023 là 1.062.984.193 (*Một tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm tám mươi tư nghìn, một trăm chín mươi ba*) đồng ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó nợ gốc là 623.956.669 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 21/02/2019 là 111.854.895 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 22/02/2019 đến 04/5/2023 là 327.172.629 đồng. Buộc Bị đơn còn phải thanh toán cho Nguyên đơn tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 05/5/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp Bị đơn thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ nêu trên, buộc Bị đơn giao trả Tài sản thuê thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Nguyên đơn bao gồm: 01 (một) máy cưa màn trượt, Model: MJ6132YII; 01 (một) Máy nhám thùng Kingmaster; 01 (một) máy dán cạnh thẳng tự động Compact-GB (Thông tin thực tế hiện trên tài sản: FUVICO, HOLZTEK machinery, Model: 2016.09.30); 01 (một) máy ép nguội MH3248x60T (Thông tin thực tế hiện trên tài sản: MH3248x60, FUVICO); 01 (một) máy cưa bàn trượt 2 lưỡi T-320 cho Nguyên đơn để thanh lý, thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê nêu trên không đủ thanh toán các khoản nợ thì buộc Bị đơn thanh toán tiếp cho đến khi dứt các khoản nợ trên.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ các khoản 4 Điều 4, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Tuyên xử*:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty X:

Buộc Công ty Y phải thanh toán làm một lần cho Công ty X số tiền 1.062.984.193 (*Một tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm tám mươi tư nghìn, một trăm chín mươi ba*) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó nợ gốc là 623.956.669 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 21/02/2019 là 111.854.895 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 22/02/2019 đến 04/5/2023 là 327.172.629 đồng.

Buộc Công ty Y còn phải thanh toán cho Công ty X tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 05/5/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty Y thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ nêu trên, buộc Công ty Y giao trả toàn bộ Tài sản thuê thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty X để thanh lý, thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê nêu trên không đủ thanh toán các khoản nợ thì buộc Công ty Y thanh toán tiếp cho đến khi dứt các khoản nợ trên.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm Công ty Y phải chịu 43.889.526 (*Bốn mươi ba triệu, tám trăm tám mươi chín ngàn, năm trăm hai mươi sáu*) đồng.

Trả lại cho Công ty X số tiền 18.332.068 (*Mười tám triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi tám*) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0032917 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA